TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2021/QĐST-HNGĐ	*D, ngày 25 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Danh T; nơi ĐKHKTT: Xã N, huyện K, thành phố H; chỗ ở hiện nay: Số nhà 36 Võ Thị Sáu, phường M, quận N, thành phố H.

Bị đơn: Chị Ngô Việt H; nơi cư trú: Tổ 8, phường H, quận D, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2021

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Danh T và chị Ngô Việt H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Danh T và chị Ngô Việt H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trường A, sinh ngày 02/10/2015 và cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 25/7/2017. Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận giao con chung là cháu Nguyễn Trường A và cháu Nguyễn

Trung H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Danh T tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0013388 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố H. Anh T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự (để thi hành);
- TAND thành phố H;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố H;
- UBND phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố H (Giấy CNKH số 111/2014);
- Chi cục THADS quận D;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Song Hải

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).

án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).